

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/DS-ST  
Ngày 27 - 5 - 2025  
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về  
hội và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đặng Thị Nguyên Hồng;
- Ông Nguyễn Hữu Phúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Hữu Có, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:**  
Bà Hồ Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 3 năm 2025; ngày 31 tháng 3 năm 2025; ngày 11 tháng 4 năm 2025 và ngày 27 tháng 5 năm 2025; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 477/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về hội và hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025, Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 9 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị T có Luật sư Dương Thị G thuộc Văn phòng L3 – Văn Phòng L3, đoàn luật sư tỉnh Đ.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 19

2.2. Anh Trần Quốc H, sinh ngày 24/3/2008.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của anh Trần Quốc H, sinh ngày 24/3/2008 có bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969, địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp là mẹ ruột.

( Bà T, Luật sư Giàu có M; Bà L, anh H vắng mặt không có lý do)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị T có Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp Luật sư Dương Thị G trình bày:*

Bà Phạm Thị T là chủ hội và bà Nguyễn Thị L và anh Trần Quốc H là hội viên và có tham gia vào các dây hội sau:

- Dây hội thứ nhất (hội tháng): Dây hội này có 27 phần, bà L tham gia 02 phần, hội 3.000.000 đồng, khai ngày 09/8/2022 âm lịch, một tháng khai hội 01 lần và sổ hội của dây hội này là do bà T cung cấp, bà L tham gia với tên “chị 10 L1” trong sổ hội. Cụ thể việc chơi như sau:

Phần hội thứ nhất và phần hội thứ hai của bà L1 tham gia đóng hội sống đến lần thứ và đến lần thứ mấy bà L1 hốt thì bà T không nhớ. Nhưng sau khi hốt cả 02 phần thì bà L1 có đóng hội chết của 02 phần này đến lần thứ 14 và đến lần thứ 15 ngày 09/11/2023 âm lịch thì bà L1 không đóng nữa nên bà L1 còn nợ 11 lần hội chết chưa đóng với số tiền  $11 \text{ lần} \times 3.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} = 66.000.000 \text{ đồng}$ . Như vậy, tổng cộng 02 phần hội mà bà L1 tham gia trong dây hội này còn nợ bà T số tiền hội chết chưa đóng là 66.000.000 đồng. Hiện tại dây hội này đã mãn vào ngày 09/09/2024 âm lịch (1).

- Dây hội thứ hai (hội tháng): Dây hội này có 18 phần, bà L1 tham gia 02 phần, hội 5.000.000 đồng, khai ngày 20/9/2022 âm lịch, một tháng khai hội 01 lần và sổ hội của dây hội này là do bà T cung cấp, bà L1 tham gia với tên “10 Lệ” trong sổ hội. Cụ thể việc chơi như sau:

Phần hội thứ nhất và phần hội thứ hai của bà L1 tham gia đóng hội sống đến lần thứ mấy và đến lần thứ mấy bà L1 hốt thì bà T không nhớ. Nhưng sau khi hốt cả 02 phần thì bà L1 có đóng hội chết của 02 phần này đến lần thứ 11 và đến lần thứ 12 ngày 20/11/2023 âm lịch thì bà L1 không đóng nữa nên bà L1 còn nợ 03 lần hội chết chưa đóng với số tiền  $03 \text{ lần} \times 5.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} = 30.000.000 \text{ đồng}$ . Như vậy, tổng cộng 02 phần hội mà bà L1 tham gia trong dây hội này còn nợ bà T số tiền hội chết chưa đóng là 30.000.000 đồng. Hiện tại dây hội này đã mãn vào ngày 20/01/2024 âm lịch (2).

- Dây hội thứ ba (hội tháng): Dây hội này có 21 phần, bà L1 tham gia 01 phần, hội 3.000.000 đồng, khai ngày 25/10/2022 âm lịch, một tháng khai hội 01 lần và sổ hội của dây hội này là do bà T cung cấp, bà L1 tham gia với tên “C10 Lệ” trong sổ hội. Cụ thể việc chơi như sau:

Phần hội này của bà L1 tham gia đóng hội sống đến lần thứ mấy và đến lần thứ mấy bà L1 hốt thì bà T không nhớ. Nhưng sau khi hốt thì bà L1 có đóng hội chết phần hội này đến lần thứ 13 và đến lần thứ 14 ngày 25/11/2023 âm lịch thì bà L1 không đóng nữa nên bà L1 còn nợ 07 lần hội chết chưa đóng với số tiền  $07 \text{ lần} \times 3.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ phần} = 21.000.000 \text{ đồng}$ . Như vậy, phần hội này mà bà L1 tham gia trong dây hội này còn nợ bà T số tiền hội chết chưa đóng là 21.000.000 đồng. Hiện tại dây hội này đã mãn vào ngày 25/05/2024 âm lịch (3).

- Dây hội thứ tư (hội nửa tháng) (15 ngày): Dây hội này có 26 phần, bà L1 tham gia 01 phần, hội 2.000.000 đồng, khai ngày 15 và 30 âm năm 2023, nửa tháng – 15 ngày khai hội 01 lần vào các ngày 15 và 30 hàng tháng và sổ hội của dây hội này là do bà T cung cấp, bà L1 tham gia với tên “C10 Lệ” trong sổ hội. Cụ thể việc chơi như sau:

Phần hội này của bà L1 tham gia đóng hội sống đến lần thứ mấy và đến lần thứ mấy bà L1 hốt thì bà T không nhớ. Nhưng sau khi hốt thì bà L1 có đóng hội chết phần hội này đến lần thứ 21 và đến lần thứ 22 ngày 15/11/2023 âm lịch thì bà L1 không đóng nữa nên bà L1 còn nợ 08 lần hội chết chưa đóng với số tiền  $08 \text{ lần} \times 2.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ phần} = 8.000.000 \text{ đồng}$ . Như vậy, phần hội này mà bà L1 tham gia trong dây hội này còn nợ bà T số tiền hội chết chưa đóng là 8.000.000 đồng. Hiện tại dây hội này đã mãn vào ngày 30/12/2023 âm lịch (4).

- Dây hội thứ năm (hội 10 ngày): Dây hội này có 45 phần, bà L1 tham gia 02 phần, hội 1.000.000 đồng, khai ngày 02/03/2023 âm lịch, 10 ngày khai hội 01 lần nghĩa là 01 tháng khai 03 lần vào các ngày 2,12,22 hàng tháng và sổ hội của dây hội này là do bà T cung cấp, bà L1 tham gia với tên “Chị 10 Lệ” trong sổ hội. Cụ thể việc chơi như sau:

Phần hội thứ nhất và phần hội thứ hai do bà L1 tham gia đóng hội sống đến lần thứ mấy và đến lần thứ mấy bà L1 hốt thì bà T không nhớ và số tiền hội là bao nhiêu thì bà không nhớ. Nhưng sau khi hốt thì bà L1 có đóng hội chết phần hội này đến lần thứ 23 và đến lần thứ 24 ngày 12/11/2023 âm lịch thì bà L1 không đóng nữa nên bà L1 còn nợ 20 lần hội chết chưa đóng với số tiền  $20 \text{ lần} \times 1.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} = 40.000.000 \text{ đồng}$ . Như vậy, 02 phần hội mà bà L1 tham gia trong dây hội này còn nợ bà T số tiền hội chết chưa đóng là 40.000.000 đồng. Hiện tại dây hội này đã mãn vào ngày 22/05/2024 âm lịch (5).

- **Dây hội thứ sáu (hội tuần):** Dây hội này có 32 phần, bà L1 tham gia 01 phần và anh H tham gia 02 phần tổng cả 02 người tham gia là 03 phần, hội 500.000 đồng, khai ngày 28/4 âm lịch năm 2023, 01 tuần khai hội 01 lần nghĩa là 01 tháng khai 04 lần vào thứ năm hàng tháng và sổ hội của dây hội này là do bà T cung cấp, bà L1 tham gia với tên “C.10 Lệ” và anh H tham gia với là “H 10 Lệ” và “H” trong sổ hội. Cụ thể việc chơi như sau:



Phần hội thứ nhất, thứ hai do anh H tham gia đóng hội sống đến lần thứ và đến lần thứ mấy anh H hốt thì bà T không nhớ và số tiền hội là bao nhiêu thì bà không nhớ. Nhưng sau khi hốt thì anh H có đóng hội chết phần hội này đến lần thứ 28 và đến lần thứ 29 ngày 10/11/2023 âm lịch thì anh H không đóng nữa nên anh H còn nợ 05 lần hội chết chưa đóng với số tiền  $05 \text{ lần} \times 500.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} = 5.000.000 \text{ đồng}$ .

Phần hội trong dây hội này do bà L1 tham gia đóng hội sống đến lần thứ và đến lần thứ mấy bà L1 hốt và số tiền hốt hội là bao nhiêu thì bà T không nhớ. Nhưng sau khi bà L1 hốt hội thì bà L1 có đóng hội chết phần hội này đến lần thứ 28 và đến lần thứ 29 ngày 10/11/2023 âm lịch thì bà L1 không đóng nữa nên bà L1 còn nợ 05 lần hội chết chưa đóng với số tiền  $05 \text{ lần} \times 500.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ phần} = 2.500.000 \text{ đồng}$ . Hiện tại dây hội này đã mãn vào ngày 10/12/2023 âm lịch. (6)

- Dây hội thứ bảy (hội tuần): Dây hội này có 36 phần, bà L1 tham gia 01 phần, hội 500.000 đồng, khai ngày 04/11/2023 âm lịch, 01 tuần khai hội 01 lần nghĩa là 01 tháng khai 04 lần vào thứ bảy các ngày trong tuần và số hội của dây hội này là do bà T cung cấp, bà L1 tham gia với tên “Chị 10 Lệ” trong sổ hội. Cụ thể việc chơi như sau:

Phần hội này do bà L1 tham gia chưa đóng hội sống lần nào mà ngay lần khai hội đầu tiên thì bà L1 đã hốt và hốt được số tiền là 14.000.000 đồng. Nhưng sau khi hốt thì bà L1 không đóng hội chết lần nào nên bà L1 còn nợ 35 lần hội chết chưa đóng với số tiền  $35 \text{ lần} \times 500.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ phần} = 17.500.000 \text{ đồng}$ . Như vậy, 01 phần hội mà bà L1 tham gia trong dây hội này còn nợ bà T số tiền hội chết chưa đóng là 17.500.000 đồng. Hiện tại dây hội này đã mãn. (7).

Như vậy tổng số tiền hội mà bà L1, **H** còn nợ bà T của các dây hội trên là:  $(1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6) + (7) = 215.000.000 \text{ đồng}$ .

Đồng thời, **Trần Quốc H** còn tham gia vào dây hội ngày 19/9/2023 do bà T làm chủ hội cụ thể như sau: Dây hội này có 60 phần, anh H tham gia 25 phần, hội 100.000 đồng, khai ngày 19/9/2023 âm lịch mỗi ngày khai 01 lần và không có sổ hội của dây hội này. Anh H đã hốt và đã đóng được 50 lần, đến ngày 10/11/2023 âm lịch thì anh H không đóng nữa nên còn 10 lần chưa đóng nên số tiền hội còn nợ là 25.000.000 đồng. Hiện nay dây hội này đã mãn vào ngày 19/11/2023 âm lịch.

Ngoài ra, ngày 11/11/2023 bà L1 có hỏi vay bà T số tiền là 200.000.000 đồng và có kêu con bà là Trần Quốc H đến nhà bà T nhận tiền, khi H đến nhận tiền thì bà T có kêu H làm biên nhận với bà T, khi đó có bà L1 nhưng do bà L1 không biết chữ nên không ký. Khi cho vay thì không có thỏa thuận lãi suất.

Nay bà T yêu cầu bà L1 và anh H cùng liên đới trả số tiền nợ hội còn thiếu là 240.000.000 đồng thay đổi yêu cầu là 215.000.000 đồng và số tiền vay là 200.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu bà L1 và anh H phải trả lãi suất theo quy



định của Nhà nước đối với số tiền trên theo lãi suất là 0,83%/tháng, tính lãi từ ngày 01/01/2024 đến ngày 01/10/2024 là 32.868.000 đồng, tổng cộng số tiền yêu cầu là 472.868.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa bà T rút lại yêu cầu bà L1 và anh H phải trả lãi suất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền trên theo lãi suất là 0,83%/tháng, tính lãi từ ngày 01/01/2024 đến ngày 01/10/2024 là 32.868.000 đồng, tổng cộng số tiền yêu cầu là 472.868.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi khi giải quyết xong vụ án, không yêu cầu bà L1, H liên đới trả nợ hui. Bà T cũng thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà T yêu cầu bà L1 trả số tiền nợ hui còn thiếu là 185.000.000 đồng; Yêu cầu Trần Quốc H trả số tiền nợ hui 30.000.000 đồng. Yêu cầu bà L1 và H có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vay 200.000.000 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt có trình bày ý kiến: Bà có tham gia một chân hui 5.000.000 đồng, do bà T làm chủ hui, ngày tháng năm khai hui, bao nhiêu hui viên bà không biết, bà T không giao sổ hui cho bà, trong sổ hui bà T để tên gì bà không biết, hui này H đã hốt xong không cho bà hay, khi hay được thì còn 4 lần bà không đóng hui nữa, hui này hiện nay đã mất. Số tiền nợ hui và nợ vay trên là do con bà là Quốc H tự giao dịch với bà T, còn bà không biết. Các số tiền hui mà bà T giao bà hoàn toàn không nhận được và số tiền vay, bà cũng không vay tiền của bà T. Do đó, nay bà L không thống nhất theo yêu cầu của bà Phạm Thị Tuyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Trần Quốc H vắng mặt có trình bày ý kiến:

Các dây hui trên là do anh H tự tham gia và tự đóng tiền hui, tự nhận tiền hui chết khi bà T giao và 08 dây hui trên là do anh H tự tham gia không liên quan gì đến mẹ anh H là bà L. Đối với số tiền vay thì ban đầu anh H chỉ vay 20.000.000 đồng, rồi dồn tiền hui, tiền lãi khác nhau nên mới thành số tiền 200.000.000 đồng. Nay anh H đồng ý trả tiền hui cho bà T 215.000.000 đồng và tiền vay 200.000.000 đồng, Tổng cộng 415.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa luật sư Dương Thị G phát biểu trong phần tranh luận:

Yêu cầu bà L phải có trách nhiệm trả lại cho bà T 185.000.000 đồng tiền hui, yêu cầu anh H trả lại cho bà T 30.000.000 đồng tiền hui.

Riêng đối với phần tiền vay 200.000.000 đồng, số tiền vay này do bà L vay, nhưng do bà L không biết chữ nên để H ký biên nhận vay và nhận tiền vay. Khi H ký biên nhận vay tiền của bà T thì chỉ mới 14 tuổi, đồng thời khi vay tiền có mặt bà L nên yêu cầu bà L là mẹ ruột của anh H phải có trách nhiệm liên đới cùng anh H trả lại cho bà T số tiền 200.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và văn bản pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án, xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, các thủ tục tố tụng khác và về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đại diện nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tại Điều 70, 71 BLTTDS 2015. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 BLTTDS 2015.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466, 471 BLDS năm 2015 để: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà L, buộc bà L có trách nhiệm trả nợ hui còn thiếu 185.000.000đ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với Trần Quốc H, buộc H có trách nhiệm trả số tiền nợ hui còn thiếu 30.000.000đ.

Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với Trần Quốc H, buộc H có trách nhiệm trả nợ vay 200.000.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc bà L và anh H có trách nhiệm liên đới trả nợ vay 200.000.000đ cho bà T.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi của số tiền hui và vay do bà T tự nguyện rút đơn khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà T có đơn khởi kiện đối với bà L, anh H có địa chỉ: xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Về xét xử vắng mặt: bị đơn bà Nguyễn Thị L, anh Trần Quốc H vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà L, anh H là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền hui, vay đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L, anh Trần Quốc H nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về hui và hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn bà Nguyễn Thị L, anh Trần Quốc H có địa tại: Số C, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp thụ lý, giải



quyết là đúng thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Nguyên đơn bà T yêu cầu bà L trả số tiền nợ hụi còn thiếu 185.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, yêu cầu này là có căn cứ chấp nhận, bởi vì: Theo các sổ hụi do bà T cung cấp thể hiện bà L có tham gia hụi do bà T làm chủ hụi, với tên trong sổ hụi là “C10 Lệ”, “10 Lệ” của các dây hụi cụ thể: Dây thứ nhất ngày 09/11/2023 âm lịch, hụi 5.000.000đ, có 27 phần, bà L tham gia 02 phần, bà L đã hốt hụi xong còn nợ lại 11 lần hụi chết x 2 phần = 66.000.000đ; Dây hụi thứ 2: Khai ngày 20/9/2022 al, 5.000.000đ, có 18 phần, bà L tham gia 02 phần, bà L đã hốt hụi, còn nợ lại 03 lần hụi chết x 5.000.000đ x 2 phần = 30.000.000đ; Dây hụi thứ 3: Khai ngày 25/10/2022 al, có 21 phần, số tiền 3.000.000đ bà L tham gia 01 phần, đã hốt hụi, nợ lại 07 lần x 3.000.000đ = 21.000.000đ; Dây thứ 4: Khai ngày 15 và 30 hàng tháng al, có 26 phần, 2.000.000đ, bà L tham gia 01 phần, đã hốt hụi, nợ lại 08 lần hụi chết x 2.000.000đ = 8.000.000đ; Dây thứ 5: Hụi 10 ngày, khai ngày 02/3/2023 al, hụi 1.000.000đ, bà L tham gia 02 phần, đã hốt hụi xong, nợ lại 20 lần hụi chết x 1.000.000đ x 2 phần = 40.000.000đ; Dây thứ 6: khai ngày 28/4/2023 al, có 32 phần, bà L tham gia 01 phần, tháng 4 lần khai, 500.000đ, bà L đã hốt hụi, sau đó không đóng hụi chết, nợ 05 lần hụi chết x 500.000.000đ x 1 phần = 2.500.000đ; Dây hụi thứ 7, hụi tuần: khai ngày 04/11/2023 al, số tiền 500.000.000đ, bà L tham gia 01 phần, đã hốt hụi xong không châu lại hụi chết, hiện còn nợ 35 lần x 500.000đ x 1 phần = 17.500.000đ. Các dây hụi nêu trên đến nay đều đã mãn.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Trần Quốc H thừa nhận có tham gia hốt hụi, châu hụi, đóng lại hụi chết các dây hụi trên do bà T tổ chức dây hụi, đồng thời H thừa nhận có nợ tổng số tiền hụi của bà T tổng số tiền 215.000.000 đồng.

Theo lời khai của bà L ngày 08/4/2025; L2 khai bà L ngày 12/5/2025 và lời khai H ngày 18/3/2025 thì bà L thừa nhận bà L có tham gia 01 dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 20/9/2022 al, đã hốt hụi do H là người thực hiện hốt hụi và H châu lại hụi chết thay bà, còn nợ lại 04 kỳ hụi chết. Ngoài ra, theo lời khai của một số người tham gia chơi hụi cùng dây hụi và sổ hụi do bà T cung cấp, khẳng định trong các dây hụi theo đơn khởi kiện của bà T xác định được bà L có tham gia các dây hụi với tên “C10 Lệ” và “10 Lệ” trong sổ hụi do bà T cung cấp xác định bà L là người tham gia hụi. Việc bà L không thừa nhận tham gia chơi hụi các dây hụi do bà T làm chủ hụi, nhằm mục đích né tránh nghĩa vụ đối với bà T. Như vậy, lời trình bày của bà L cho rằng không tham gia hụi viên và còn nợ hụi của bà T là không có căn cứ chấp nhận.

Việc Trần Quốc H thừa nhận nợ hụi, tham gia hốt hụi, châu hụi là của cá nhân H và việc bà L không thừa nhận các dây hụi đứng tên “C 10 Lệ” và “10 Lệ” là của bà L tham gia, chơi hụi là ảnh hưởng quyền lợi của bà T, mặt khác hiện



nay các thành viên hội xác định việc H tham gia hốt hội, bỏ hội, đóng hội chết đều thực hiện thay bà L. Do đó, không chấp nhận lời thừa nhận của H mà xác định bà L có tham gia các dây hội do bà T làm chủ hội và còn nợ hội bà T số tiền 185.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà L có trách nhiệm trả số tiền nợ hội cho bà T 185.000.000 đồng.

[3.2] **Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị T yêu cầu Trần Quốc H trả số tiền nợ hội còn thiếu 30.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ chấp nhận, bởi vì:** Theo lời trình bày của bà T và sổ hội do bà T cung cấp, xác định được Trần Quốc H có tham gia 02 phần với dây hội tuần 500.000 đồng khai ngày 28/4/2023, tên “H” và “H 10 Lệ” còn nợ 5 lần chết số tiền 5.000.000 đồng và dây hội ngày khai ngày 19/9/2023, có 60 phần, H tham gia 25 phần, số tiền 100.000 đồng, hội này không có sổ hội. H đã hốt hội, còn nợ lại 10 lần hội chết x 25 phần x 100.000 đồng = 25.000.000 đồng. Được H thừa nhận còn nợ hội tổng số tiền 215.000.000 đồng trong số tiền bà T khởi kiện bà L và anh H nợ hội. Do đó, có căn cứ xác định H chỉ tham gia và nợ hội số tiền hội là 30.000.000 đồng.

Mặt khác, tại thời điểm ngày 28/4/2023 đến ngày 19/9/2023 thì H trên 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi, theo quy định tại khoản 4 Điều 21 BLDS năm 2015 quy định: “*người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự, trừ giao dịch liên quan đến bất động sản và động sản phải đăng ký và giao dịch dân sự khác theo quy định của pháp luật phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý*”.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 5 của Nghị định 19/2019 ngày 19/02/2019 của Chính phủ, quy định điều kiện làm thành viên

1. *Thành viên là người từ đủ mười tám tuổi trở lên và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định tại Bộ luật dân sự 2015.*

*Người từ đủ mười lăm tuổi đến dưới mười tám tuổi nếu có tài sản riêng có thể là thành viên của dây họ, trường hợp sử dụng tài sản riêng là bất động sản, động sản phải đăng ký để tham gia dây họ thì phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý.*

2. *Điều kiện khác theo thỏa thuận của những người tham gia dây họ.*

Như vậy, đối với Trần Quốc H tại thời điểm tham gia thành viên 02 dây hội ngày 28/4/2023 đến ngày 19/9/2023, đã hốt hội xong, còn nợ lại hội chết 30.000.000 đồng. Khi giao dịch hội, thì anh H chưa đủ tuổi trở thành thành viên của dây hội do bà T làm chủ, anh H cũng không đưa ra được chứng cứ thể hiện có tài sản riêng để đảm bảo cho việc tham gia hội. Bà T vẫn chấp nhận để H trở thành hội viên và đã hốt hội xong. Như vậy, giao dịch dân sự do H thực hiện khi chưa tuân thủ quy định về độ tuổi trở thành thành viên tham gia dây hội nên xác định giao dịch giữa H và bà T là vô hiệu, buộc H có trách nhiệm trả lại số tiền hội còn nợ lại bà T 30.000.000 đồng là có cơ sở. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc H có trách nhiệm trả nợ hội còn thiếu là 30.000.000 đồng cho bà T.



[3.3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T về yêu cầu bà L, anh H có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay 200.000.000 đồng theo biên nhận ngày 11/11/2023, là có cơ sở chấp nhận một phần, bởi vì: Theo tờ biên nhận vay tiền thể hiện người vay tiền là Trần Quốc H, không thể hiện nội dung nào là H vay tiền, nhận tiền thay bà L. Việc bà T cho rằng khi vay tiền bà L có mặt, nhưng do không biết chữ nên không cùng ký tên vào biên nhận vay tiền. Tuy nhiên, bà L hiện nay cũng không thừa nhận khoản vay trên, mặt khác không có chữ ký nào của bà L. Do đó, không có cơ sở xác định bà L vay số tiền trên, mà khẳng định số tiền vay trên do H tự thực hiện. Hiện nay H cũng thừa nhận vay số tiền trên, đồng thời đồng ý trả cho bà T là có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với H, buộc H có trách nhiệm trả nợ vay gốc 200.000.000 đồng cho bà T.

[4] Về lãi suất: Xét thấy, tại phiên tòa, bà T tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ hui, vay còn thiếu, việc rút đơn của bà T là tự nguyện, có lợi cho bị đơn nên có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ yêu cầu tính lãi đối với bà L, anh H.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Luật sư tại phiên tòa yêu cầu bà L phải có trách nhiệm trả lại cho bà T 185.000.000 đồng tiền hui, yêu cầu anh H trả lại cho bà T 30.000.000 đồng tiền hui là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với phần tiền vay 200.000.000 đồng, số tiền vay này do bà L vay, nhưng do bà L không biết chữ nên để H ký biên nhận vay và nhận tiền vay. Khi H ký biên nhận vay tiền của bà T thì chỉ mới 14 tuổi, đồng thời khi vay tiền có mặt bà L nên yêu cầu bà L là mẹ ruột của anh H phải có trách nhiệm liên đới cùng anh H trả lại cho bà T số tiền 200.000.000 đồng Hội đồng xét xử chấp nhận một phần. Bởi lẽ, khi anh H tham gia giao dịch vay tiền của bà T thì anh H đã trên 15 tuổi, theo tờ biên nhận vay tiền thể hiện người vay tiền là Trần Quốc H, không thể hiện nội dung nào là H vay tiền, nhận tiền thay bà L. Việc bà T cho rằng khi vay tiền bà L có mặt, nhưng do không biết chữ nên không cùng ký tên vào biên nhận vay tiền. Tuy nhiên, bà L hiện nay cũng không thừa nhận khoản vay trên, mặt khác không có chữ ký nào của bà L vào biên nhận.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, 72, 91, 147, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 21, 463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;



Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/2/2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ, họ;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết .

Buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị T số tiền hui 185.000.000 đồng.

Buộc anh Trần Quốc H có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị T số tiền hui 30.000.000 đồng và số tiền vay là 200.000.000 đồng, tổng cộng số tiền hui và vay là 230.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc buộc bà Nguyễn Thị L, anh Trần Quốc H liên **đới trả nợ vay cho** bà T.

Đình chỉ yêu cầu của bà Phạm Thị T yêu cầu Nguyễn Thị L, anh Trần Quốc H phải trả lãi suất theo quy định của Nhà nước với lãi suất là 0,83%/tháng, tính lãi từ ngày 01/01/2024 đến ngày 01/10/2024 là 32.868.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi khi giải quyết xong vụ án.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 9.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Anh Trần Quốc H phải chịu 11.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.457.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011802 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS H. Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Giang**



